

PHỤ LỤC:
BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	Để đảm bảo thống nhất giữa tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại Điều 1 Quy định dự kiến ban hành kèm theo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại tên gọi của Quy định ⁽¹⁾ .	Tiếp thu, bổ sung từ “phát triển” vào tên gọi và điều 1 của Dự thảo Nghị quyết theo nội dung tại điểm d, khoản 1, Điều 40, Nghị định 27/2022/NĐ-CP và biên tập lại như sau: “Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025”
2	Đối với Dự thảo Nghị quyết	
2.1	Phần căn cứ ban hành đề nghị loại bỏ căn cứ: Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2022...Lý do: Đây không căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp cần thiết, biên tập lại là: “Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2022...” .	Tiếp thu: Loại bỏ căn cứ Nghị quyết 13-NQ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong Dự thảo Nghị quyết
2.2	Phần Nơi nhận, đề nghị bổ sung một số cơ quan sau cho đầy đủ, đúng quy định: “Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư” .	Tiếp thu, đã bổ sung nơi nhận gồm: <i>Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Dự thảo Nghị quyết.</i>
2.3	Khoản 2 Điều 2 dự kiến Nghị quyết được Hội đồng nhân	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 2, Điều 2 Dự thảo Nghị quyết

⁽¹⁾ Tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại Điều 1 Quy định dự kiến ban hành kèm theo không có từ “phát triển”. Tuy nhiên, tên gọi Quy định ban hành kèm theo là: **“Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục...trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ *phát triển* sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”**.

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua. Tuy nhiên, theo Thông báo số 38/TB-TTHĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân, dự thảo Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại Kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét biên tập lại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với kỳ họp xem xét, thông qua của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	<p>như sau: “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII, Kỳ họp chuyên đề tháng ... năm 2022 thông qua....»</p>
3	Đối với Dự thảo Quy định	
3.1	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại tên gọi của dự thảo Quy định với lý do đã được trình bày tại mục 2 Báo cáo này.</p>	<p>Thông nhất biên tập lại tên gọi của Dự thảo Nghị quyết và Dự thảo Quy định nội dung tại điểm d, khoản 1, Điều 40, Nghị định 27/2022/NĐ-CP và biên tập lại (bổ sung từ “phát triển” như sau:</p> <p>“Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025”</p>
3.2	<p>Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trách nhiệm xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “<i>Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21,</i></p>	<p>Đơn vị giải trình như sau: Theo nội dung 02 thuộc Nội dung thành phần số 03, Quyết định số: 263/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ²; Mục 3, Thông tư số: 53/2022/TT-BTC, ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính³; Thông tư số: 04/2022/TT-BNNPTNT,</p>

² Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

³ Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p><i>Điều 22, Điều 23 Nghị định này</i>”. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 21; khoản 4 Điều 22; khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được thực hiện đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia (03 Chương trình). Tuy nhiên, theo dự kiến tại Điều 4, Điều 5 dự thảo, các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ chỉ thực hiện đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Khi bổ sung nội dung hỗ trợ, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các quy định khác có liên quan (<i>hồ sơ, trình tự, thủ tục</i>).</p> <p>Trường hợp không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.</p>	<p>ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁴: Chỉ quy định nội dung chi hỗ trợ các dự án, liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (không có nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù)</p> <p>Do vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất chỉ Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ quy định Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (không quy định nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù)</p>
3.3	Sở Tư pháp nhận thấy, các nội dung hỗ trợ dự kiến trình	Đơn vị giải trình như sau: Sở Nông nghiệp và Phát triển

⁴ Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Hội đồng nhân tỉnh quyết định không trái với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn; toàn bộ các nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh được thực hiện chung theo hướng dẫn của Trung ương. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục xem xét và căn cứ các nội dung ưu tiên thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 21; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để xác định nội dung hỗ trợ phù hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với thực tế của địa phương đồng thời chịu trách nhiệm về việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân nội dung hỗ trợ cụ thể (<i>Sở Tư pháp không thẩm định nội dung hỗ trợ cụ thể</i>).</p>	<p>nông thôn đề xuất áp dụng đầy đủ các nội dung hỗ trợ theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào điều kiện thực tế và đề xuất của các tổ chức, cộng đồng, các đơn vị có thể hỗ trợ một số hoặc toàn bộ nội dung theo hướng dẫn.</p>
4	<p>Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p>	
	<p>Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Quy định chưa được trình bày đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</i>) và Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Việc dẫn văn bản chưa được thực hiện đúng quy định tại Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và mẫu ban hành kèm theo để trình bày đúng quy định.</p>	<p>Tiếp thu, đơn vị đã chỉnh sửa bổ cục Dự thảo Nghị quyết và Dự thảo Quy định theo mẫu số 17, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</p>